

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: ĐỒNG (II) OXIT – CuO

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Đồng (II) oxit (Copper (II) oxide)
- Công thức hóa học:** CuO
- Mã CAS:** 1317-38-0
- Tên khác:** Oxit đồng đen
- Sử dụng đã định:** Dùng trong gốm, điện tử, thuốc nhuộm, chất xúc tác, hợp chất đồng
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - GHS07: Dấu chấm than
 - GHS09: Nguy hại môi trường nước
- Từ cảnh báo:** CẢNH BÁO
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
 - H302: Có hại nếu nuốt phải
 - H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
 - H410: Rất độc với sinh vật thủy sinh, ảnh hưởng lâu dài
- Câu phòng ngừa:**
 - P264: Rửa tay sau khi xử lý
 - P270: Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng
 - P273: Tránh thải ra môi trường
 - P305+P351+P338: Nếu dính mắt: rửa cẩn thận bằng nước

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần:** Đồng (II) oxit
- Mã CAS:** 1317-38-0
- Tỷ lệ:** ≥95%
- Phân loại:** H302, H319, H410

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa đến nơi thoáng khí, nếu có triệu chứng hô hấp thì gọi bác sĩ
- Tiếp xúc da:** Rửa kỹ bằng nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt dưới vòi nước trong ít nhất 15 phút
- Nuốt phải:** Súc miệng bằng nước, liên hệ cơ sở y tế

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Không dễ cháy**
- Phương tiện chữa cháy:** Dùng các chất chữa cháy thông thường phù hợp với môi trường xung quanh (CO₂, bột khô, nước phun)
- Khí phát sinh:** Có thể sinh oxit kim loại độc hại khi cháy ở nhiệt độ cao
- Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc và đồ bảo hộ kín

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Tránh tạo bụi, sử dụng khẩu trang và găng tay
- Biện pháp môi trường:** Không để hóa chất tiếp xúc với nguồn nước
- Phương pháp xử lý:** Quét khô hoặc hút bằng thiết bị chuyên dụng, thu gom vào thùng kín

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Trong khu vực thông thoáng, có hệ thống hút bụi
- **Bảo quản:** Bình kín, nơi khô ráo, tránh ánh sáng và ẩm ướt
- **Không tương thích:** Axit mạnh, chất khử mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (ACGIH):**
 - TWA (bụi CuO): 1 mg/m³ (dưới dạng Cu)
- **Bảo hộ cá nhân:**
 - Hô hấp: Mặt nạ bụi P2 hoặc cao hơn
 - Mắt: Kính chống bụi
 - Tay: Găng tay nitrile hoặc PVC
 - Da: Quần áo bảo hộ

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn, dạng bột mịn hoặc hạt
- **Màu sắc:** Đen
- **Mùi:** Không mùi
- **Điểm nóng chảy:** ~1326°C
- **Điểm sôi:** Không xác định (phân hủy trước khi sôi)
- **Tính tan:** Không tan trong nước; tan trong axit mạnh
- **pH (huyền phù):** Kiềm yếu

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định trong điều kiện thường**
- **Tránh tiếp xúc với:** Chất khử mạnh, axit
- **Phản ứng nguy hiểm:** Tạo khí hydro và đồng (I) oxit khi phản ứng với axit mạnh

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, uống):** ~470 mg/kg
- **Tác động:** Gây rối loạn tiêu hóa, kích ứng mắt, phổi; tiếp xúc lâu có thể gây viêm phổi mãn tính (bệnh bụi đồng)

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính thủy sinh cao:** LC50 (96h, cá) <1 mg/L
- **Tích lũy sinh học:** Có thể có
- **Ảnh hưởng lâu dài:** Rất độc với hệ sinh thái nước

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Không thải ra nguồn nước**
- **Chất thải:** Xử lý theo hướng dẫn chất thải nguy hại
- **Bao bì:** Làm sạch và phân loại xử lý như chất thải nguy hại nếu nhiễm hóa chất

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **Không phân loại là hàng nguy hiểm theo ADR/IMDG/IATA nếu số lượng nhỏ**
- **Có thể áp dụng mã UN3077 nếu đóng gói số lượng lớn**

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- **Tuân thủ:** Thông tư 04/2012/TT-BCT, GHS
- **Cần khai báo khi nhập khẩu hoặc sử dụng công nghiệp số lượng lớn**
- **Không thuộc danh mục cấm, nhưng cần kiểm soát môi trường chặt chẽ**

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày biên soạn:** 04/07/2025
- **Nguồn tham khảo:** PubChem, GHS, REACH, TCVN 8402:2010
- **Lưu ý:** Hạn chế tiếp xúc lâu dài và kiểm soát bụi trong không khí

- Ghi chú:
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế